

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT



Fpt Telecom

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103008784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2005; mã số doanh nghiệp 0101778163 đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 17 tháng 11 năm 2016)

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà FPT, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.7300.2222 Fax: 04.3795.0047

Website: <http://www.fpt.vn>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Vũ Thị Mai Hương

Chức vụ: Phó tổng giám đốc - Điện thoại: 04.7300.2222



BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.7300.2222

Fax: 04.3795.0047

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04.37737070 / 62717171

Fax: 043.7739058

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ben Thanh Times Square, 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.62908686

Fax: 08.62910670

Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0511.355 3666

Fax: 0511.355 3888

MỤC LỤC

| | |
|--|----------|
| I. CÁC KHÁI NIỆM..... | 4 |
| II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH..... | 5 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 5 |
| 1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch. | 5 |
| 1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch. | 6 |
| 1.3. Quá trình hình thành và phát triển | 7 |
| 1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ | 8 |
| 2. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty..... | 12 |
| 3. Danh sách cổ đông (Tên, địa chỉ) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ) | 16 |
| 4. Danh sách công ty mẹ, công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty..... | 17 |
| 5. Hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 21 |
| 6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất | 25 |
| 7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 26 |
| 7.1. Vị thế của công ty trong ngành..... | 26 |
| 7.2. Triển vọng phát triển | 27 |
| 8. Chính sách với người lao động | 27 |
| 8.1 Cơ cấu lao động tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 | 27 |
| 8.2 Chính sách với người lao động..... | 28 |
| 9. Chính sách cổ tức..... | 30 |
| 10. Tình hình tài chính..... | 31 |
| 11. Tài sản..... | 36 |
| 12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo | 37 |
| 12.1. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm 2016, 2017 | 38 |
| 12.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 38 |
| 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch. | 39 |
| 14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh..... | 39 |

| | |
|---|-----------|
| 15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký giao dịch. | 39 |
| III. QUẢN TRỊ CÔNG TY | 40 |
| 1. Hội đồng quản trị | 40 |
| 2. Ban kiểm soát | 47 |
| 3. Ban Giám đốc | 50 |
| 4. Kế toán trưởng | 56 |
| 5. Kế hoạch tăng cường quản trị | 57 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|--|----|
| Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ | 9 |
| Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty | 16 |
| Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty | 17 |
| Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm | 24 |
| Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm | 25 |
| Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014, 2015, 9 tháng/2016 | 25 |
| Bảng 7: Cơ cấu lao động tại ngày 30/09/2016 | 27 |
| Bảng 8: Tình hình chi trả cổ tức từ 2013 – 2015 | 30 |
| Bảng 9: Tình hình thuế phải nộp | 32 |
| Bảng 10: Tình hình dư nợ vay | 33 |
| Bảng 11: Tình hình Công nợ phải thu | 33 |
| Bảng 12: Tình hình Công nợ phải trả | 34 |
| Bảng 13: Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn | 35 |
| Bảng 14: Tình hình đầu tư tài chính dài hạn | 35 |
| Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 35 |
| Bảng 16: Giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 | 36 |
| Bảng 17: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 36 |
| Bảng 18: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty tại ngày 30/09/2016 | 37 |
| Bảng 19: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016, 2017 | 38 |

DANH MỤC SƠ ĐỒ

| | |
|--|----|
| Sơ đồ 1- Cơ cấu tổ chức- quản lý Công ty | 12 |
|--|----|


I. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|-----------------|--|
| UBCK | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| UBND | : Ủy ban Nhân dân |
| Công ty | : Công ty cổ phần Viễn thông FPT |
| CTCP | : Công ty cổ phần |
| BCTC | : Báo cáo tài chính |
| CP | : Cổ phần |
| SGDCK | : Sở giao dịch chứng khoán |
| ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | : Hội đồng Quản trị |
| BKS | : Ban kiểm soát |
| CBCNV | : Cán bộ công nhân viên |
| Điều lệ Công ty | : Điều lệ của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| Tổ chức đăng ký | : Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch.

| | |
|-------------------------------------|--|
| Tên doanh nghiệp: | Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| Tên giao dịch quốc tế: | FPT Telecom Joint Stock Company |
| Tên viết tắt: | FPT Telecom |
| Địa chỉ: | Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại: | 04.7300.2222 |
| Fax: | 04.3795.0047 |
| Website: | http://www.fpt.vn |
| Logo công ty: |  |
| Người đại diện theo pháp luật: | Chu Thị Thanh Hà (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) |
| Vốn điều lệ đăng ký: | 1.370.786.090.000 đồng (Một nghìn ba trăm bảy mươi tỷ bảy trăm tám sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) |
| Vốn điều lệ thực góp: | 1.370.786.090.000 đồng (Một nghìn ba trăm bảy mươi tỷ bảy trăm tám sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) |
| Ngày trở thành công ty đại chúng: | 06/09/2007 |
| Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: | Số 0103008784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2005; mã số doanh nghiệp 0101778163 đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 17 tháng 11 năm 2016. |
| Ngành nghề kinh doanh chính: | Hoạt động viễn thông khác: <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp dịch vụ internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng ISP; - Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet); - Hoạt động của các điều truy cập internet; - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ |

| | |
|--|--|
| | <p>fax gia tăng giá trị, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế; - Dịch vụ viễn thông cố định đường dài trong nước; - Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo; - Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, internet; - Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng Internet, điện thoại di động; - Dịch vụ tin nhắn, dữ liệu, thông tin giải trí trên mạng điện thoại di động; - Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, điện thoại di động; - Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, internet; - Đại lý cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động; <p>- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ Internet băng thông rộng;</p> |
|--|--|

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: FOX
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 137.078.609 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty: 0 cổ phiếu.
- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26/06/2015 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tính đến ngày 21/11/2016, tỷ lệ nắm giữ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Công ty là 0%.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là Trung tâm Dữ liệu trực tuyến FPT (FPT online Exchange – FOX) thành lập ngày 31/01/1997 tại Hà Nội.

Trung tâm dữ liệu trực tuyến FPT được chuyển đổi thành Công ty truyền thông FPT (FPT communications) và thành lập chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 5-2003/FPT-QĐ-HĐQT ngày 16/5/2003.

Ngày 28/7/2005, Công ty truyền thông FPT được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT, được cấp giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông theo quyết định số 30/1-05/FPT/QĐ-HĐQT ngày 20/7/2005 và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28/7/2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội với số vốn điều lệ là 33 tỷ đồng.

Sau gần 20 năm hoạt động, FPT Telecom đã lớn mạnh vượt bậc với hơn 7,000 nhân viên chính thức, các chi nhánh của công ty có mặt tại 59 tỉnh thành trên toàn quốc.

Lịch sử và các mốc phát triển:

- 31/1/1997: Thành lập Trung tâm Dữ liệu trực tuyến FPT (FPT Online Exchange - FOX)
- 2001: Ra mắt trang báo điện tử đầu tiên tại Việt Nam - net
- 2002: Trở thành nhà cung cấp kết nối Internet IXP (Internet Exchange Provider)
- 2005: Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom)
- 2007: FPT Telecom bắt đầu mở rộng hoạt động trên phạm vi toàn quốc, được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông liên tỉnh và công kết nối quốc tế. Đặc biệt, FPT Telecom đã trở thành thành viên chính thức của Liên minh AAG (Asia America Gateway - nhóm các công ty viễn thông hai bên bờ Thái Bình Dương).
- 2008: Trở thành nhà cung cấp dịch vụ Internet cáp quang băng rộng (FTTH) đầu tiên tại Việt Nam và chính thức có đường kết nối quốc tế từ Việt Nam đi Hồng Kông.
- 2009: FPT Telecom đã triển khai thành công dự án thử nghiệm công nghệ Wimax di động với tần số 2,3 Ghz; Triển khai gói dịch vụ viễn thông Triple Play - tích hợp 3 dịch vụ trên cùng một đường truyền (truy cập Internet, điện thoại cố định và truyền hình Internet)...
- Năm 2010: Thành lập Công ty TNHH Viễn Thông FPT Miền trung thuộc FPT Telecom, mở rộng vùng phủ với 36 chi nhánh tại các tỉnh thành trên toàn quốc.
- 2012: Hoàn thiện tuyến trục Bắc – Nam với tổng chiều dài 4000km đi qua 30 tỉnh thành.
- 2013. Hoàn thiện tuyến trục Bắc – Nam mạch B chiều dài 3.600 km, hoàn thiện tuyến đường trục quốc tế đầu tiên kết nối với Lào.
- 2014: Tham gia cung cấp dịch vụ truyền hình IPTV với thương hiệu Truyền hình FPT.

- 2015: FPT Telecom có mặt trên cả nước với gần 200 VPGD, chính thức được cấp phép kinh doanh tại Myanmar, đạt doanh thu hơn 5,500 tỷ đồng và là một trong những đơn vị dẫn đầu trong triển khai chuyển đổi giao thức liên mạng IPv6.
- 2016: Khai trương Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom mở rộng chuẩn Uptime TIER III với quy mô lớn nhất miền Nam. Được cấp phép triển khai thử nghiệm mạng 4G tại Việt Nam.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103008784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2005; mã số doanh nghiệp 0101778163 đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 17 tháng 11 năm 2016 với vốn điều lệ thực góp là 1.370.786.090.000 đồng.

Các giải thưởng tiêu biểu:

- Danh hiệu Sao khuê liên tiếp trong nhiều năm từ 2012 – 2015
- Huy chương Vàng ICT Việt Nam 2015
- Thương hiệu Việt tiêu biểu 2014
- Doanh nghiệp dịch vụ được hài lòng nhất 2013
- Huy chương Vàng đơn vị Internet, Viễn thông 2012
- Huy chương Vàng đơn vị CNTT-TT Việt Nam 2006

Các chứng chỉ quốc tế:

- ISO 9001, ISO 27001, ISO 50001, Uptime TIER III
- Đối tác Vàng (Gold Partner) Microsoft 2016
- Đối tác Vàng (Gold Partner) CISCO 2015
- CCIE, JNCIE, CDCP, CISSP...

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ khi trở thành Công ty cổ phần, ngày 28 tháng 07 năm 2005 đến nay, Công ty đã tiến hành 9 đợt tăng vốn từ 33.000.000.000 đồng lên 1.370.786.090.000 đồng. Cụ thể như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

| Lần | Thời gian | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn sau khi phát hành | Hình thức phát hành | Căn cứ pháp lý |
|-----|-----------|-----------------------|-----------------------|---|---|
| 1 | 2006 | 13.184.900.000 | 46.184.900.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu 1.318.490 cổ phần | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2006 2. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 168/QĐ/HĐQT-FPT-FTEL ngày 12/05/2006 3. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 14/09/2006 |
| 2 | 2007 | 110.192.500.000 | 156.377.400.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu: 10.583.550 cổ phần Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên có thành tích công tác tốt 2006: 340.000 cổ phần Phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ có thâm niên công tác trên 2 năm: 95.700 cổ phần | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2007, số 03 - 2007 - ĐHĐCĐ/ FTEL 2. Báo cáo kết quả các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ ngày 05/12/2007 3. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 13/08/2007 |
| 3 | 2008 | 156.377.400.000 | 312.754.800.000 | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 1:1 (15.637.740 Cổ phiếu) | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2007 2. Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 293/UBCK-GCN 3. Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 20/03/2008 4. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 07/03/2008 |
| 4 | 2008 | 111.638.260.000 | 424.393.060.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2007: 10.841.285 CP (bao gồm 10.777.747 CP phổ thông và 63.538 CP ưu đãi) Phát hành CP theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên công ty 322.541 CP | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2008, số 02 - ĐHĐCĐ/ FPTTEL ngày 25 tháng 03 năm 2008 2. Công văn số 1004/UBCK-QLPH ngày 27/05/2008 về việc UBCKNN không phản đối việc phát hành 11.180.913 cổ phần 3. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2007 và phát hành cổ phiếu theo các chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên công ty ngày 30/06/2008 |

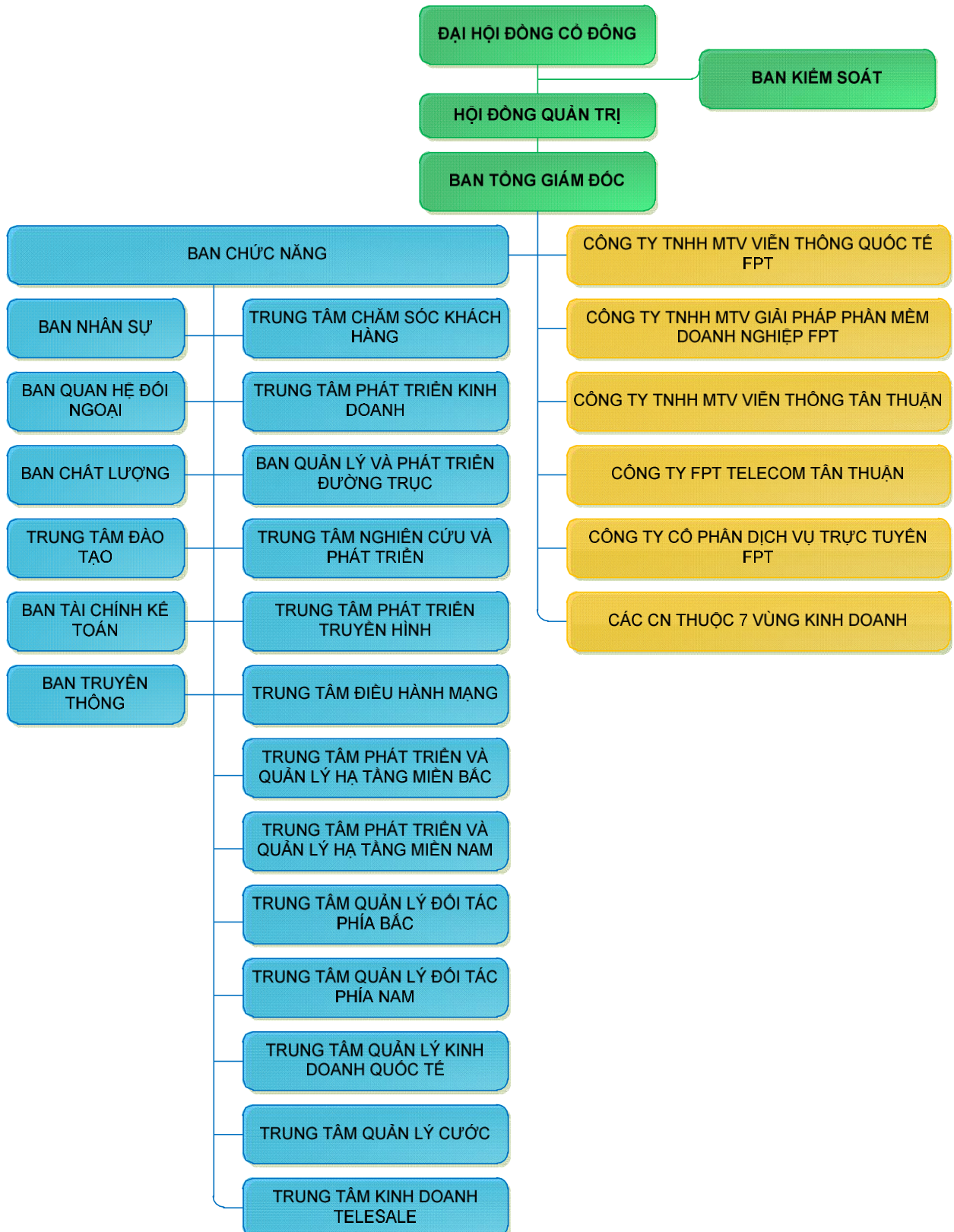
| | | | | | |
|---|------|-----------------|-----------------|--|--|
| 5 | 2009 | 169.584.040.000 | 593.977.100.000 | <p>Phát hành theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên công ty: 1.274.217 CP Phát hành để trả cổ tức năm 2008: 15.684.187 CP</p> | <p>4. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 18/08/2008</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009, số 01 - 2009 - ĐHĐCĐ/ FPTEL ngày 27 tháng 03 năm 2009 2. Thông báo của UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu thông báo phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2008 và phát hành cổ phiếu theo các chương trình lựa chọn cho người lao động của FPT Telecom 3. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2008 và phát hành cổ phiếu theo các chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên công ty ngày 20/05/2009. 4. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 30/10/2009 |
| 6 | 2010 | 237.090.520.000 | 831.067.620.000 | <p>Phát hành theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên công ty: 702.465 CP Phát hành để trả cổ tức năm 2009: 23.006.587 CP</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010, số 01 - 2010/NQ/ĐHĐCĐ/ FPT - TEL ngày 16 tháng 04 năm 2010 2. Thông báo của UBCKNN nhận đầy đủ tài liệu thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Cty CP Viễn thông FPT. 3. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 và phát hành cổ phiếu theo các chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên công ty ngày 12/08/2010. 3. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 25/11/2010. |
| 7 | 2011 | 169.547.730.000 | 997.015.350.000 | <p>Phát hành theo các chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên công ty: 641.633 CP Phát hành để trả cổ tức năm 2010: 15.953.140 CP</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011, số 01 - 2011 - ĐHCĐ ngày 20 tháng 05 năm 2011. 2. Thông báo của UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu thông báo phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên của FPT Telecom. 3. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2010 và phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên có thành tích đóng góp trong năm 2010 ngày 12/08/2011 4. Thông báo nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ |

| | | | | | |
|---|------|-----------------|-------------------|--|---|
| | | | | | phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhận viên Công ty Cổ phần Viễn thông FPT 5. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 11/10/2011 |
| 8 | 2014 | 249.182.740.000 | 1.246.198.090.000 | Phát hành để trả cổ tức: 24.918.274 CP | 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014, số 01 - 2014 - NQ/ĐHCĐ-FTEL ngày 28 tháng 03 năm 2014 2. Thông báo của UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức của CTCP Viễn thông FPT 3. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 04/07/2014 4. Thông báo của UBCKNN về việc nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của CTCP Viễn thông FPT 5. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18 ngày 09/10/2014 |
| 9 | 2016 | 124.588.000.000 | 1.370.786.090.000 | Phát hành để trả cổ tức (12.458.800 CP) | 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 ngày 02/06/2016 2. Nghị quyết HĐQT số 05-2016/FTEL-HĐQT/NQ ngày 1/8/2016 3. Thông báo của UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức của CTCP Viễn thông FPT 4. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 709/TFEL – AF ngày 03/11/2016 5. Thông báo của UBCKNN về việc nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của CTCP Viễn thông FPT 6. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 17/11/2016 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

2. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty

Sơ đồ 1- Cơ cấu tổ chức- quản lý Công ty



2.1. Diễn giải cơ cấu quản lý:

- **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và phương hướng sản xuất kinh doanh của Công ty cho các năm tiếp theo. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- **Hội đồng quản trị:**

Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 05 và nhiều nhất là 11 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh các cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát gồm 3 đến 5 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm do ĐHCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại điều 165 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.

- **Ban Tổng giám đốc.**

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

- Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

2.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức:

- **Ban nhân sự:** Tham mưu, giúp việc và chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo công ty về kết quả công tác tổ chức, nhân sự theo đúng quy định, pháp luật của Nhà nước và quy định của Công ty trong các lĩnh vực như Nghiên cứu và hoạch định tài nguyên nhân sự; Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân sự; Quản trị tiền lương; Quan hệ lao động, Dịch vụ phúc lợi, Y tế và an toàn lao động;
- **Ban quan hệ đối ngoại:** Trợ giúp ban giám đốc trong công tác giao tiếp đối ngoại với đối tác trong và ngoài nước. Liên lạc với đối tác trực tiếp bằng văn bản và bằng gặp gỡ, điện thoại. Phát triển quan hệ với đối tác và khách hàng tiềm năng.

- **Ban chất lượng:** Tổ chức xây dựng, áp dụng, duy trì, đánh giá và cải tiến Hệ thống chất lượng của Công ty bao gồm nhưng không hạn chế các việc: Xây dựng và ban hành các qui trình hoạt động, các qui định, các chuẩn, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật của hạ tầng và mạng lưới; Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các kế hoạch chất lượng; Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, đánh giá định kỳ hoặc bất thường các đơn vị, chi nhánh việc thực hiện các qui định, qui trình, tiêu chuẩn kỹ thuật của công ty bao gồm nhưng không hạn chế các hạng mục kiểm tra như mạng lưới, an toàn hệ thống, qui trình thực hiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, thái độ phục vụ, hệ thống hạ tầng thuê bao, thiết bị đầu cuối, ... Tổ chức thực hiện đo kiểm chất lượng dịch vụ, sản phẩm, công bố chất lượng sản phẩm, dịch vụ tại các địa bàn hoạt động của Công ty. Tổ chức các hoạt động thăm dò hài lòng khách hàng bên ngoài và nội bộ định kỳ theo quy định hoặc đột xuất. Làm đầu mối tiếp nhận, xử lý các khiếu nại cấp Tổng Công ty. là đơn vị đứng ra phân xử các khiếu nại nội bộ. Làm đầu mối thu thập số liệu, báo cáo lên đơn vị chủ quản là Cục Quản lý chất lượng, Vụ Viễn thông, Sở TT&TT tại Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh. Là đầu mối phối hợp với các cơ quan chức năng khi có yêu cầu trong công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm về viễn thông và Internet. Tổ chức và thực hiện đào tạo về hệ thống quản trị của Công ty cho các chi nhánh và đơn vị, tổ chức đào tạo nghiệp vụ thanh kiểm tra cho các cán bộ thanh tra kiểm tra và các cán bộ chất lượng tại chi nhánh hoặc đơn vị/công ty thành viên. Nghiên cứu áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng, công cụ và phương pháp cải tiến. Phối hợp xây dựng công cụ sửa đổi/ bổ sung trên inside và hỗ trợ người dùng.
- **Trung tâm đào tạo:** Tham mưu cho Ban Điều hành về công tác xây dựng, phát triển, quản lý các chương trình đào tạo và các hoạt động đào tạo phù hợp chiến lược kinh doanh của Công ty. Chuẩn hóa quy trình đào tạo, triển khai chương trình đào tạo và kiểm soát chất lượng đào tạo nhằm đảm bảo sứ mệnh: Nâng cao hiệu quả lao động của từng nhân viên; Nâng cao độ gắn kết của nhân viên với Công ty; Củng cố niềm tin của khách hàng vào sản phẩm, dịch vụ của Công ty.
- **Ban tài chính kế toán:** Quản lý và duy trì, kiểm soát hệ thống quản lý, quản lý tài chính của công ty. Nhiệm vụ: Lập kế hoạch tài chính; Quản lý, kiểm soát và thực hiện các công việc Tài chính - Kế toán; Báo cáo tài chính; Hỗ trợ các đơn vị khác trong hoạt động kế toán kiểm toán
- **Ban truyền thông:** Đơn vị phụ trách hoạt động Xây dựng và phát triển quan hệ giữa Tập đoàn và cộng đồng, Phát triển và quản trị thương hiệu Tập đoàn; Nhiệm vụ: Quan hệ báo chí; Quan hệ cộng đồng; Quản trị thương hiệu; Truyền thông nội bộ; Quản trị website; Hoạt động phong trào
- **Trung tâm chăm sóc khách hàng:** Nghiên cứu, xây dựng, phát triển, thực hiện các chính sách chăm sóc khách hàng; Hoàn chỉnh cơ chế tương tác với các đơn vị trong

Công ty; Xây dựng mô hình văn phòng giao dịch thân thiện, nâng cao chất lượng phục vụ tại quầy giao dịch; Thúc đẩy, thực hiện kiểm soát trong nội bộ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng, đảm bảo việc thực hiện các chính sách, quy định, quy trình nghiệp vụ; Đào tạo và hỗ trợ các Chi nhánh tỉnh thực hiện các nghiệp vụ về thu hồi công nợ và chăm sóc khách hàng

- **Trung tâm phát triển kinh doanh:** Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh theo định hướng và mục tiêu của công ty. Xây dựng và quảng bá thương hiệu theo mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh. Xây dựng và quảng bá sản phẩm theo mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh. Xây dựng kế hoạch, chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
- **Ban quản lý và phát triển đường trục:** Xây dựng và phát triển hệ thống đường trục liên tỉnh và quốc tế (bao gồm tuyến cáp quang, thiết bị, đài trạm và phụ trợ cho hệ thống). Tham mưu về định hướng quy hoạch mạng lưới truyền dẫn liên tỉnh, quốc tế. Thực hiện các công việc đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng hệ thống truyền dẫn liên tỉnh, quốc tế. Thực hiện công tác quản lý bao gồm: tình trạng tuyến cáp, điều phối core cáp, thiết bị truyền dẫn, điều phối các đơn vị xử lý khắc phục sự cố. Đưa ra các giải pháp phòng ngừa sự cố cho các tuyến cáp và hệ thống truyền dẫn liên tỉnh, quốc tế. Chủ động đàm phán với các doanh nghiệp khác về hợp tác, trao đổi hạ tầng đường trục.
- **Trung tâm nghiên cứu và phát triển:** Tập trung nghiên cứu, phát triển một số các lĩnh vực như: các dịch vụ gia tăng trên nền Internet, các hệ thống thông tin trợ giúp việc quản lý, vận hành và phát triển mạng hạ tầng. Bên cạnh đó, RAD còn tập trung nghiên cứu, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm công nghệ mới, thiết kế kỹ thuật hệ thống cho các sản phẩm, dịch vụ. Ngoài ra, Trung tâm RAD còn đảm bảo an toàn bảo mật cho các hệ thống thông tin của công ty và phát triển các hệ thống thông tin nội bộ
- **Trung tâm phát triển truyền hình:** Tìm kiếm các thông tin về khách hàng và sử dụng các mối quan hệ để tiếp cận khách hàng tiềm năng. Tư vấn, giải thích cho khách hàng về dịch vụ truyền hình FPT giải trí thông minh và Internet do FPT Telecom đang cung cấp. Xúc tiến việc ký kết hợp đồng, đàm phán thương lượng, thực hiện các thủ tục ký kết hợp đồng với khách hàng.
- **Trung tâm điều hành mạng:** Là đơn vị quản lý toàn bộ hoạt động kết nối internet trong nước, quốc tế và Dịch vụ Máy chủ của FPT Telecom, nơi hội tụ của những chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ Viễn thông hàng đầu Việt Nam và khu vực Đông Nam Á tham gia vận hành Data Center đầu tiên tại Việt Nam đạt chuẩn Tier 3
- **Trung tâm phát triển và quản lý hạ tầng miền Bắc và miền Nam:** Quản lý toàn bộ tài sản và hệ thống hạ tầng thuộc sở hữu của FPT Telecom. Điều phối khai thác vận hành, xử lý sự cố xảy ra trong phạm vi Hạ tầng do đơn vị quản lý. Thực hiện các kế hoạch phát triển hạ tầng nhằm phục vụ tốt nhất hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách

hang. Đảm bảo công tác vận hành và tính ổn định của hạ tầng không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ của Công ty

- **Trung tâm quản lý đối tác phía Bắc và phía Nam:** Là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi và hỗ trợ hoạt động triển khai, bảo trì các dịch vụ xDSL, FTTx, Truyền hình FPT và các dịch vụ Viễn thông dành cho Doanh nghiệp do FPT Telecom cung cấp; cũng như Quản lý các Đối tác triển khai, bảo trì dịch vụ cho các chi nhánh của FPT Telecom
- **Trung tâm quản lý kinh doanh quốc tế:** Đối với văn phòng trong nước: Thực hiện các công việc hành chính văn phòng như visa hộ chiếu, theo dõi và đảm bảo cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, hỗ trợ thanh toán cho cán bộ đi công tác trong và ngoài nước và các hoạt động văn hóa đoàn thể. Đối với văn phòng tại nước ngoài: thực hiện thủ tục giấy tờ hành chính, phối hợp với các phòng ban trong công ty để hỗ trợ các văn phòng đại diện, chi nhánh công ty tại nước ngoài trong quá trình vận hành. Hỗ trợ logistics thầu, tham gia và ghi biên bản các buổi họp với khách hàng theo yêu cầu của quản lý trực tiếp. Chăm sóc các khách hàng, đối tác của công ty tại nước ngoài, tiếp nhận và lên lịch trình đón tiếp khách hàng, đối tác nước ngoài đến Việt Nam.
- **Trung tâm quản lý cước:** Thực hiện các hoạt động thu cước, thu hồi công nợ tại nhà, tại quầy giao dịch - bao gồm tất cả các giao dịch thu tiền, xuất hóa đơn của khách hàng, thu tiền tại quầy giao dịch, thu tiền tại nhà, thu trả trước, thu phí hòa mạng, các loại phí chuyển đổi, phát hành hóa đơn doanh thu và chăm sóc khách hàng trả trước.
- **Trung tâm kinh doanh Telesale:** Đã phát triển lên tới quy mô hơn 200 cán bộ nhân viên, với nhiệm vụ chính: Tư vấn chuyển đổi hạ tầng cung cấp dịch vụ và nâng cấp gói dịch vụ Internet. Phát triển các dịch vụ mới như Truyền hình, HDBox, Fshare, IP camera ... Phát triển dịch vụ Internet theo nguồn khách hàng đã sử dụng thuê bao truyền hình của Công ty. Hợp tác, liên kết với các đối tác triển khai kinh doanh các sản phẩm dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng.

3. Danh sách cổ đông (Tên, địa chỉ) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ)

- ❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 21/11/2016**

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

| STT | Cổ đông | Số lượng (cổ phần) | Giá trị (ĐỒNG) | Tỷ lệ (%) |
|-----|--|--------------------|-----------------|-----------|
| 1 | Công ty Cổ phần FPT | 62.570.941 | 625.709.410.000 | 45,65 |
| 2 | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước | 68.762.845 | 687.628.450.000 | 50,16 |

| | | | | |
|--|------------------|--------------------|--------------------------|--------------|
| | Tổng cộng | 131.333.786 | 1.313.337.860.000 | 95,81 |
|--|------------------|--------------------|--------------------------|--------------|

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty ngày 21/11/2016)

❖ **Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 21/11/2016**

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty

| STT | Cổ đông | Số lượng | Số lượng (cổ phần) | Giá trị (Đồng) | Tỷ lệ (%) |
|------------|---------------------|-----------------|-------------------------------|---------------------------|----------------------|
| I | Trong nước | 563 | 137.048.594 | 1.370.485.940.000 | 99,98 |
| 1 | Tổ chức trong nước | 5 | 133.182.636 | 1.331.826.360.000 | 97,16 |
| 2 | Cá nhân trong nước | 558 | 3.865.958 | 38.659.580.000 | 2,82 |
| II | Nước ngoài | - | - | - | - |
| 1 | Tổ chức nước ngoài | - | - | - | - |
| 2 | Cá nhân nước ngoài | - | - | - | - |
| III | Cổ phiếu quỹ | 1 | 30.015 | 300.150.000 | 0,02 |
| | Tổng cộng | 564 | 137.078.609 | 1.370.786.090.000 | 100 |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty ngày 21/11/2016)

❖ **Danh sách cổ đông sáng lập:** Không có

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4. Danh sách công ty mẹ, công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

❖ Công ty mẹ:

- ✓ Tên Công ty: Công ty cổ phần FPT
 - Địa chỉ: Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
 - Điện thoại/Fax: 84-4-73007300
 - Giấy CNDKKD số: 0101248141
 - Vốn điều lệ đăng ký: 4.594.266.840.000 VNĐ
 - Vốn điều lệ thực góp: 4.594.266.840.000 VNĐ
 - Tỷ lệ vốn góp thực tế tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT: 625.709.410.000 VNĐ (chiếm 45,65% VĐT FTEL)

Công ty Cổ phần FPT có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông FPT, có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, báo cáo tài chính Công ty Cổ phần viễn thông FPT được hợp nhất vào báo cáo tài chính Công ty Cổ phần FPT nên Công ty Cổ phần FPT là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.

- Hoạt động kinh doanh chính: Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông.
- ✓ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
 - Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội
 - Điện thoại/Fax: 84-4- 62780 191 / 84-4- 2780136
 - Giấy CNDKKD số: 0106000737
 - Vốn điều lệ đăng ký: 19.000.000.000.000 VNĐ
 - Vốn điều lệ thực góp: 19.000.000.000.000 VNĐ
 - Tỷ lệ vốn góp thực tế tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT: 687.628.450.000 VNĐ (chiếm 50,16% VĐT FTEL)
 - Hoạt động kinh doanh chính: Đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp; Chủ sở hữu đối với doanh nghiệp và phần vốn do Tổng công ty tiếp nhận và trực tiếp đầu tư; Sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được chuyển giao; Đầu tư vốn vào các tập đoàn, tổng công ty, hoặc công ty mẹ hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề nhà nước nắm giữ quyền chi phối; các dự án theo chỉ định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; các ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế; Cung cấp các dịch vụ tư vấn: đầu tư, tài chính, cổ phần hóa, quản

trị doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, mua bán sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác; Quản lý Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

❖ **Công ty con:**

- ✓ Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT (FSS)
 - Địa chỉ: Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân thuận Đông, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại/Fax: (84-4) 73002222 / (84-8) 73008889
 - Giấy CNDKKD số: 0306905013
 - Vốn điều lệ đăng ký: 10.000.000.000 VNĐ
 - Vốn điều lệ thực góp: 10.000.000.000 VNĐ
 - Tỷ lệ vốn góp thực tế của FTEL tại Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT: 100% VĐL
 - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất phần mềm;
- ✓ Công ty TNHH 1TV Viễn thông Quốc tế- FTI
 - Địa chỉ: Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân thuận Đông, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại/Fax: (84-4) 73002222/ (84-4) 38223111
 - Giấy CNDKKD số: 0305793402
 - Vốn điều lệ đăng ký: 15.000.000.000 VNĐ
 - Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 VNĐ
 - Tỷ lệ vốn góp thực tế của FTEL tại Công ty TNHH 1TV Viễn thông Quốc tế- FTI: 100% VĐL
 - Hoạt động kinh doanh chính: Cung cấp dịch vụ Internet, đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
- ✓ Công ty TNHH 1TV Viễn thông FPT Tân Thuận
 - Địa chỉ: Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân thuận Đông, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại/Fax: (84-8) 73002222/ (84-8) 73008889
 - Giấy CNDKKD số: 0309962394
 - Vốn điều lệ đăng ký: 70.000.000.000 VNĐ

- Vốn điều lệ thực góp: 70.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ vốn góp thực tế của FTEL tại Công ty TNHH 1TV Viễn thông FPT Tân Thuận: chiếm 100% VDL
- Hoạt động kinh doanh chính: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
- ✓ Công ty cổ phần Viễn thông công nghệ FPT
 - Địa chỉ: Lô T2-5 Đường D1 Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại/Fax: (84-4) 73002222 / (84-8) 73008889
 - Giấy CNDKKD số: 0313870717
 - Vốn điều lệ đăng ký: 69.000.000.000 VNĐ
 - Vốn điều lệ thực góp: 69.000.000.000 VNĐ
 - Tỷ lệ vốn góp thực tế của FTEL tại Công ty cổ phần Viễn thông công nghệ FPT: chiếm 99,997% VDL.
 - Hoạt động kinh doanh chính: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
- ✓ Công ty CP dịch vụ trực tuyến FPT-FOC
 - Địa chỉ: Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân thuận Đông, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại/Fax: (84-8) 73009999/ (84-8) 73009998
 - Giấy CNDKKD số: 0305045911
 - Vốn điều lệ đăng ký: 140.853.360.000 VNĐ
 - Vốn điều lệ thực góp: 140.853.360.000 VNĐ
 - Tỷ lệ vốn góp thực tế của FTEL tại Công ty CP dịch vụ trực tuyến FPT-FOC: 59,12%% VDL.
 - Hoạt động kinh doanh chính: Cung cấp dịch vụ Game Online
- ❖ **Những công ty mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có
- ❖ **Những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:** Không có

5. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103008784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2005, mã số doanh nghiệp 0101778163 đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 17 tháng 11 năm 2016.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty hiện nay là cung cấp các sản phẩm – dịch vụ chính về viễn thông:

✓ **Internet:**

FTTH là công nghệ kết nối viễn thông hiện đại trên thế giới với đường truyền dẫn hoàn toàn bằng cáp quang từ nhà cung cấp dịch vụ tới tận địa điểm của khách hàng. Tính ưu việt của công nghệ cho phép thực hiện tốc độ truyền tải dữ liệu internet xuống/lên (download/upload) ngang bằng với nhau, và tốc độ cao hơn công nghệ ADSL gấp nhiều lần.

Với mong muốn đem lại những ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất, đáp ứng nhu cầu truy cập internet cao nhất của khách hàng tại Việt Nam, FPT Telecom đã xây dựng những gói dịch vụ FTTH dành riêng cho từng đối tượng khách hàng.

✓ **Truyền hình FPT**

Truyền hình FPT là dịch vụ truyền hình đa phương tiện do Công ty cổ phần viễn thông FPT (FPT Telecom) cung cấp. Đây là dịch vụ tiên phong trong việc sử dụng công nghệ IPTV tại Việt Nam, chỉ với một thiết bị đầu thu HD, khách hàng có thể sử dụng nhiều dịch vụ giải trí đa dạng, theo yêu cầu và mang tính tương tác cao qua chiếc tivi.

Ngoài các kênh truyền hình trong nước và quốc tế, khách hàng còn được chủ động lựa chọn bất kỳ chương trình nào trong kho nội dung giải trí với hàng nghìn đầu nội dung được cập nhật mỗi ngày để xem vào bất cứ lúc nào. Đặc biệt, khách hàng còn có thể sử dụng các ứng dụng để đọc báo, nghe nhạc, hát karaoke, xem tỷ giá thị trường qua màn hình tivi.

Với phương châm “Mới lạ mỗi ngày”, Truyền hình FPT liên tục gia tăng tiện ích cho người sử dụng với các tính năng độc đáo như giám sát trẻ em, lịch phát sóng điện tử, tùy chỉnh ngôn ngữ thuyết minh và phụ đề, xem nhiều kênh trên cùng một màn hình, điều khiển tivi bằng giọng nói...

Truyền hình:

- Hơn 180 kênh truyền hình trong và ngoài nước của nhiều nhà cung cấp mang tới lựa chọn phong phú cho khách hàng, trong đó bao gồm 30 kênh chuẩn HD đặc sắc với chất lượng hình ảnh siêu nét và âm thanh sống động.
- Gói kênh: Cơ Bản, Đặc Sắc, K+ HD và VTVCab HD.
- Những tính năng thông minh khi xem truyền hình:

- Truyền hình xem lại: Xem lại chương trình đã phát sóng trước đó trong vòng 48h của 40 kênh truyền hình.
- Lịch phát sóng điện tử EPG: Xem lịch và cài đặt hẹn giờ cho chương trình muốn xem.
- Tùy chỉnh ngôn ngữ: Lựa chọn thuyết minh Tiếng Việt hoặc ngôn ngữ gốc của nhiều kênh quốc tế.
- PiP và Mosaic: Xem nhiều kênh trên cùng màn hình.

Ứng dụng Phim truyện

- Kho phim khổng lồ với hàng nghìn phim điện ảnh và truyền hình được cập nhật liên tục đạt chuẩn HD, xem bất kỳ lúc nào.
- Đa dạng thể loại và được sắp xếp hợp lý theo các đầu mục Hành động, Tâm lý, Gia đình, Bộ Âu – Mỹ, Bộ Hàn Quốc, Bộ Hoa ngữ, Bộ Việt Nam... giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận và có thể tìm kiếm bằng từ khóa.
- Khách hàng có thể sử dụng những tính năng cực kỳ hữu ích như giám sát trẻ em, tùy chọn ngôn ngữ âm thanh và phụ đề...

Ứng dụng Thiếu nhi

- Nội dung phong phú với toàn bộ thuyết minh bằng Tiếng Việt, bé không phải căng mắt đọc phụ đề.
- Chia thành 5 tiểu mục chính, dễ dàng tìm kiếm và giúp các bé vừa học vừa chơi thật hiệu quả với Truyền hình FPT: Phim, Ca nhạc, Kể chuyện, Học Tiếng Anh, Học điều hay...

Ứng dụng Thể thao

- Với truyền hình FPT khán giả thật sự sẽ có một trải nghiệm thể thao mang đẳng cấp hoàn toàn khác biệt với các trận cầu đỉnh cao của giải Ngoại hạng Anh và nhiều môn thể thao khác như Tennis, Billard, Golf... Đồng thời khán giả có thể chủ động xem lại các trận đấu khác nhau với chất lượng âm thanh tuyệt hảo và bình luận chuẩn quốc tế.
- Tính năng Luyện tập trong ứng dụng Thể Thao mang đến những bài tập thể thao như: Yoga, bóng đá... giúp người xem có thể rèn luyện thể dục thể thao tại nhà qua những video hướng dẫn do Truyền hình FPT cung cấp và liên tục cập nhật.
- Xem ngay các trận thể thao được truyền hình trực tiếp trên ứng dụng xem lại, bản tin và các phóng sự hấp dẫn về các đội bóng và vận động viên.

Ứng dụng Giải trí

- Kho chương trình giải trí đáp ứng nhu cầu của mọi lứa tuổi, vùng miền với các đầu mục TV Show, Ca nhạc, Hải kịch và Sân khấu.

- Không chỉ theo kịp lịch phát của các nhà đài để mang tới khán giả những chương trình truyền hình của Việt Nam, Hàn Quốc, Trung Quốc, Âu –Mỹ mới lạ và hấp dẫn nhất, chuyên mục còn đi sâu khai thác mảng nội dung truyền thống với cải lương, đờn ca, quan họ và chèo.

Ứng dụng xem phim theo yêu cầu

- Với ứng dụng Fim+ và Danet, khán giả sẽ được lựa chọn kho chương trình theo yêu cầu với các nội dung phim bom tấn Hollywood, phim Việt Nam chiếu rạp mới nhất và các gói phim linh động theo tháng.

Ứng dụng Sự kiện

- Truyền hình trực tiếp các sự kiện giải trí, thể thao hấp dẫn, nóng hổi như Đêm Hội Chân Dài, Hồ Ngọc Hà Love Songs, Fan Meeting Cô Dâu 8 Tuổi, chung kết các giải thể thao điện tử Play Dota 2, CS:GO...

Kho ứng dụng

- Các ứng dụng tích hợp từ các dịch vụ được hàng tỉ người dùng trên thế giới ưa chuộng như Youtube,... mang đến cho người dùng một cảm nhận mới lạ và lý thú khi chia sẻ hình ảnh/video... với người thân, bạn bè. Đặc biệt, ứng dụng ca hát KaraTivi sẽ đem đến cho bạn và gia đình giây phút thư giãn tuyệt vời.
- Cài đặt app FPT Remote trên thiết bị di động Android hoặc iOS có kết nối internet để điều khiển tivi qua màn hình cảm ứng và giọng nói. FPT Remote có thể thay thế hoàn toàn các chức năng của điều khiển truyền thống.

✓ FPT Play

FPT Play là sản phẩm giải trí đa phương tiện. Cho phép xem truyền hình trực tuyến, phim truyền, thể thao, ca nhạc trên nhiều nền tảng khác nhau (mobile, web, Smart TV)

Truyền hình trực tuyến: Với hơn 80 kênh truyền hình giải trí VTV, VTC, HTV,... Tận hưởng các trận cầu siêu kinh điển gay cấn, với hình ảnh cực nét, chất lượng vượt trội. FPT Play mang đến cho khách hàng những phút giây giải trí tuyệt vời nhất bên gia đình và bạn bè.

Ứng dụng duy nhất phát giải ngoại hạng anh tại Việt Nam: Giúp bạn theo dõi ngay những trận đấu siêu kinh điển ngay trên chiếc điện thoại của mình.

VOD phim, thể thao, ca nhạc chất lượng cao: Với kho nội dung hàng ngàn bộ phim, Tv show, phim truyện, video ca nhạc chất lượng cao liên tục cập nhật. Giúp bạn thỏa sức lựa chọn theo ý thích. Cùng với chức năng lưu trữ lại những mục ưa thích, giúp bạn có thể xem lại bất cứ khi nào bạn muốn.

Giao diện thân thiện: Giao diện thân thiện, dễ dàng thao tác, luôn cập nhật xu hướng thiết kế mới mang đến cho khách hàng sự trải nghiệm tối ưu nhất.

Tốc độ truyền tải nhanh, mượt: Tốc độ truyền tải nhanh, mượt trên mọi mạng viễn thông và di động. FPT Play luôn không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để mang đến quý khách hàng những trải nghiệm vượt trội hơn và phong phú hơn.

✓ **Fshare**

Dịch vụ lưu trữ, chia sẻ tài nguyên: Fshare là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tài nguyên trực tuyến hàng đầu tại Việt Nam hiện nay với nền tảng công nghệ điện toán đám mây (cloud computing) với dung lượng, hệ thống lưu trữ tốt nhất đặt tại các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế của FPT Telecom.

Sử dụng đơn giản, nhanh chóng và hiệu quả: Fshare được thiết kế, giao diện sử dụng tiếng Việt, dành cho các nhu cầu của người Việt. Mọi thắc mắc, giải đáp đều được phục vụ tốt nhất bằng tiếng Việt; Tốc độ truyền tải (upload/download) dữ liệu nhanh chóng cho phép khách hàng dễ dàng lưu trữ tất cả dữ liệu của mình; Hệ thống thanh toán đa dạng, cực kỳ linh hoạt với việc kết nối với các ví điện tử thông dụng, uy tín nhất hiện nay.

Tính năng phong phú, đa dạng: Luôn cập nhật các tính năng công nghệ mới, thân thiện và thiết thực cho người dùng nhằm mục tiêu tạo nên sự gắn bó của khách hàng đối với dịch vụ.

✓ **Nhạc số:**

Nhacso.net được đánh giá là một trong những website âm nhạc trực tuyến nổi tiếng nhất Việt Nam, do Tập đoàn FPT thành lập từ 2005.

Hợp tác với nhiều đối tác ca sĩ, nhạc sĩ và hãng phát hành trong cả nước.

Người dùng có thể nghe nhạc theo chủ đề cảm xúc hoặc sở thích, chia sẻ cảm nhận và sự yêu thích về các bài hát, album và playlist này đến bạn bè thông qua mạng xã hội.

Thư viện âm nhạc khổng lồ về bài hát, album, tuyển tập nhạc playlist, MV, thông tin nghệ sỹ được cập nhật liên tục.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm

| T T | Chỉ tiêu | Năm 2014 | | Năm 2015 | | 9 tháng đầu năm 2016 | |
|--------|---|--------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|
| | | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) |
| 1 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 4.825.080.348.941 | 100 | 5.567.740.796.595 | 100 | 4.921.904.554.636 | 100 |
| | Tổng | 4.825.080.348.941 | 100 | 5.567.740.796.595 | 100 | 4.921.904.554.636 | 100 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015, BCTC hợp nhất 9 tháng 2016 của CTCP Viễn thông FPT)

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

| T T | Chỉ tiêu | Năm 2014 | | Năm 2015 | | 9 tháng đầu năm 2016 | |
|--------|---|--------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|
| | | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) |
| 1 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.227.919.805.900 | 46,17 | 2.648.266.411.952 | 47,56 | 2.222.787.102.307 | 45,16 |
| | Tổng | 2.227.919.805.900 | 46,17 | 2.648.266.411.952 | 47,56 | 2.222.787.102.307 | 45,16 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015, BCTC hợp nhất 9 tháng 2016 của CTCP Viễn thông FPT)

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014, 2015, 9 tháng/2016

Đơn vị: VND

| T T | Chỉ tiêu | Năm 2014 | Năm 2015 | % tăng, giảm năm 2015 /2014 | 9 tháng Năm 2016 |
|--------|----------------------------|-------------------|-------------------|--|---------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 4.706.418.955.801 | 7.360.606.249.303 | 56,40 | 7.130.222.942.681 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 2.073.438.052.061 | 2.400.850.237.682 | 15,79 | 2.659.494.901.084 |
| 3 | Doanh thu thuần | 3.365.088.958.978 | 4.448.128.213.437 | 32,18 | 3.950.443.731.053 |
| 7 | Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 802.692.113.014 | 868.324.863.369 | 8,18 | 568.046.076.854 |
| 8 | Lợi nhuận khác | 12.105.345.900 | 2.547.501.346 | -78,96 | -1.104.239.037 |
| 9 | Lợi nhuận trước thuế | 814.797.458.914 | 870.872.364.715 | 6,88 | 566.941.837.817 |
| 10 | Lợi nhuận sau thuế | 697.435.853.074 | 783.836.479.272 | 12,39 | 508.838.578.647 |
| 12 | Giá trị sổ sách | 16.642 | 19.270 | 15,79 | 21.346 |

| | | | | | |
|----|----------------------------|-----|-----|--|--|
| 11 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 53% | 48% | | |
|----|----------------------------|-----|-----|--|--|

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, BCTC riêng 9 tháng 2016 của CTCP Viễn thông FPT)

| T T | Chỉ tiêu | Năm 2014 | Năm 2015 | % tăng, giảm năm 2015 /2014 | 9 tháng /2016 |
|--------|---|-------------------|-------------------|--|-------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 5.141.837.330.912 | 7.963.811.916.614 | 54,88 | 7.922.387.976.579 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 2.366.184.587.855 | 2.755.965.125.478 | 16,47 | 3.177.436.179.409 |
| 3 | Doanh thu thuần | 4.825.080.348.941 | 5.567.740.796.595 | 15,39 | 4.921.904.554.636 |
| 4 | Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 916.129.780.944 | 1.034.785.404.520 | 12,95 | 846.807.168.637 |
| 5 | Lợi nhuận khác | 14.262.007.652 | 5.561.331.544 | -61,01 | -1.651.005.690 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 930.391.788.596 | 1.040.346.736.064 | 11,82 | 848.458.174.327 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 763.034.866.098 | 882.072.731.479 | 15,60 | 719.049.555.756 |
| 10 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 736.436.936.971 | 827.701.610.355 | 12,39 | 661.985.855.608 |
| 11 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 26.597.929.127 | 54.371.121.124 | 104,42 | 57.063.700.148 |
| 8 | Giá trị sổ sách | 17.720 | 20.617 | 16,35 | 23.924 |
| 9 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 51% | 45% | - | - |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015, BCTC hợp nhất 9 tháng 2016 của CTCP Viễn thông FPT)

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Hiện tại, FPT Telecom là 1 trong 3 nhà cung cấp dịch vụ internet hàng đầu tại Việt Nam.

Theo số liệu thống kê từ Cục Viễn thông, năm 2015 FPT Telecom chiếm 25,4% thị phần thuê bao internet cáp quang trên toàn quốc.

Mạng viễn thông truyền thống của FPT Telecom đã được đầu tư phát triển mạnh mẽ với hơn 10.000 km tuyến trục, thực hiện 3 tuyến kết nối quốc tế, mở rộng Data Center...

Trong bối cảnh 5G, Internet of thing (IOT), ảo hóa, tích hợp giữa mạng Wifi và LTE, Cloud đang bùng nổ mạnh mẽ, FPT Telecom đã và đang nghiên cứu phát triển các dịch vụ nội dung mới nhằm củng cố vững chắc vị thế của mình trên bản đồ công nghệ viễn thông Việt nam.

7.2. Triển vọng phát triển

Hạ tầng mạng lưới viễn thông, Internet của Việt Nam được đánh giá là phát triển hiện đại, bao trùm rộng khắp, băng rộng tốc độ cao, hoạt động ổn định. Với việc phóng thành công 02 vệ tinh lên quỹ đạo trái đất, Việt Nam đã ghi tên mình vào danh sách các nước đã có chủ quyền trên quỹ đạo vệ tinh và kết cấu hạ tầng thông tin của Việt Nam đã được đảm bảo bằng tất cả các hình thức liên lạc tiên tiến hiện đại nhất thế giới. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động đạt 95% diện tích, tổng băng thông kênh kết nối quốc tế đạt 1.450Mb/s, tăng hơn 12 lần so với năm 2010.

Đồng thời, Việt Nam tiếp tục là một trong những thị trường viễn thông có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới trong suốt 10 năm qua. Đến nay, tổng số thuê bao điện thoại hiện có khoảng trên 131 triệu máy (trong đó: di động chiếm 94,86%, cố định: chiếm 5,14%), cao gấp 10 lần so với năm 2005; mật độ điện thoại đạt khoảng 140 máy/100 dân; tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng đạt 6,5 thuê bao/100 dân, cao gấp gần 2 lần so với năm 2010, cao gấp 30 lần so với năm 2005.

Các công nghệ IoT (Internet Of Things - Internet kết nối với mọi vật), M2M (machine to machine, giao tiếp giữa máy với máy) sẽ được triển khai và có bước phát triển trong năm tới. So với thế giới, thị trường IoT, M2M của Việt Nam mới ở mức độ sơ khai và còn rất nhiều tiềm năng.

8. Chính sách với người lao động

8.1 Cơ cấu lao động tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bảng 7: Cơ cấu lao động tại ngày 30/09/2016

| Chỉ tiêu | Số lượng (Người) | Tỷ lệ |
|---|------------------|-------|
| Tổng số lao động | 6.409 | 100% |
| Trong đó: | | |
| - Lao động làm việc theo HĐLĐ từ 12 tháng trở lên | 6.368 | 99% |
| - Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng | 44 | 1% |
| 1. Phân theo giới tính | | |
| Nam | 3.872 | 60% |

| | | |
|------------------------------|-------|-----|
| Nữ | 2.537 | 40% |
| 2. Phân theo trình độ | | |
| Trên Đại học | 92 | 1% |
| Đại học | 3.969 | 62% |
| Cao Đẳng | 1.413 | 22% |
| Trung cấp | 922 | 14% |
| Phổ thông, CNKT | 13 | 0% |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Viễn thông FPT)

Tổng số lượng cán bộ nhân viên hiện tại của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là 6.409 người.

Trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên: Xuất phát từ đặc thù ngành nghề kinh doanh nên trình độ chuyên môn của CBCNV được thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau: từ công nhân kỹ thuật... đến Cao đẳng, Đại học và trên Đại học.

Tùy thuộc vào vị trí công việc đòi hỏi trình độ và năng lực cán bộ, CNV Công ty sắp xếp bố trí nhân sự phù hợp; Đối với cán bộ quản lý từ Trưởng, Phó Phòng Ban phải có trình độ đại học, có chuyên môn nghiệp vụ tốt, có kỹ năng quản lý và điều hành, đồng thời nắm vững các quy định của pháp luật về các lĩnh vực có liên quan.

8.2 Chính sách với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:

Chính sách tuyển dụng

Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình ngày hội việc làm, các chương trình hướng nghiệp cho sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh nhằm tìm kiếm lao động trẻ, tài năng cho các vị trí công việc còn thiếu tại công ty.

Tổ chức các chương trình “thực tập sinh tài năng”, “đại sứ tuyển dụng” nhằm thu hút ứng viên và tạo nguồn lao động trẻ chất lượng cao từ các trường ĐH danh tiếng trên toàn quốc.

Sau khi trúng tuyển, ứng viên sẽ được ký hợp đồng thử việc với thời gian tối đa 2 tháng hoặc hợp đồng lao động.

Chính sách đào tạo, phát triển

Cán bộ nhân viên sau khi gia nhập công ty, được tham gia chương trình đào tạo tân binh: nhằm cung cấp các kiến thức giúp cán bộ nhân viên có thể hiểu sâu hơn về lịch sử hình thành, sản phẩm, dịch vụ của công ty, về văn hóa, con người, quy trình, quy định, hướng dẫn sử dụng các công cụ hỗ trợ trong công việc.

Nhân viên ký hợp đồng chính thức với công ty được tài trợ chi phí để tham gia các khóa đào tạo về kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến vị trí công việc đang đảm nhận

để nâng cao trình độ, kỹ năng, phẩm chất và có thể làm việc hiệu quả hơn: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết phục khách hàng, kỹ năng lãnh đạo quản lý; khóa học Luật Lao động, nghiệp vụ nhân sự tổng hợp, nghiệp vụ chăm sóc khách hàng,....

Đối với các cán bộ quản lý từ cấp phòng trở lên, được tham gia chương trình đào tạo MiniMBA – chương trình đào tạo thạc sỹ quản trị kinh doanh được thiết kế riêng cho cán bộ FPT do Học viện lãnh đạo FPT tổ chức với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao, có kiến thức toàn diện về quản trị kinh doanh và những kỹ năng cần thiết của một người lãnh đạo. Kết quả học tập MiniMBA cũng trở thành một căn cứ để đánh giá năng lực lãnh đạo, tìm kiếm, phát hiện những tiềm năng lãnh đạo, là cơ sở cho công tác bổ nhiệm, quy hoạch đội ngũ lãnh đạo cốt cán của Công ty.

✚ Chính sách lương, thưởng

Công ty thực hiện trả lương sản phẩm đối với bộ phận kinh doanh, chính sách lương được điều chỉnh theo từng giai đoạn nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu kinh doanh của công ty và các quy định của nhà nước.

Chính sách lương được xây dựng dựa trên nguyên tắc công bằng, khách quan, công khai nhằm tạo động lực trong lao động và đảm bảo các quy định của pháp Luật Lao động.

✚ Chính sách thi đua, khen thưởng

Để chuẩn bị lực lượng nhân lực cho mục tiêu toàn cầu hóa, mở rộng vùng phủ sang các thị trường nước ngoài trong thời gian tới, FPT Telecom xây dựng chính sách thi đua, khen thưởng như: CBNV tự nâng cao trình độ ngoại ngữ, các cuộc thi chuyên môn Nhân sự, Trạng QA,.. nhằm tôn vinh những CBNV giỏi về chuyên môn và cũng là cơ hội để CBNV tự học hỏi, nâng cao trình độ.

✚ Chế độ bảo hiểm

Công ty thực hiện tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho cán bộ nhân viên khi ký hợp đồng lao động.

CBNV được hưởng đầy đủ các quyền lợi về ốm đau, tai nạn lao động, thai sản, tử tuất, hưu trí.

Ngoài ra, Công ty quan tâm đến sức khỏe của CBNV thông qua chương trình bảo hiểm FPTcare cho tất cả cán bộ nhân viên khi ký hợp đồng lao động và đàm phán các chương trình ưu đãi khi CBNV mua bảo hiểm FPT care cho người thân. Khi tham gia bảo hiểm FPT care, cán bộ nhân viên được quyền lợi về bảo hiểm sức khỏe và tai nạn nhằm chăm sóc sức khỏe toàn diện và hỗ trợ một phần cho cán bộ nhân viên khi gặp rủi ro.

Định kỳ công ty xây dựng chương trình hội thảo chăm sóc sức khỏe theo chủ đề, mời các bác sỹ chuyên khoa về chia sẻ cũng như tháo gỡ các thắc mắc của CBNV cách phòng và chữa một số bệnh thường gặp phục vụ cho việc chăm sóc các thành viên trong gia đình. Các buổi hội thảo sức khỏe luôn nhận được sự quan tâm và ủng hộ của CBNV: “*Hội thảo Phòng tránh &*

chữa bệnh hô hấp cho bé yêu”; “Hội thảo sức khỏe bệnh động mạch vành và ung thư đại trực tràng”; “Hội thảo chăm sóc sức khỏe tiền sinh sản”; “Hội thảo chữa bệnh bằng phương pháp tác động cột sống.

✚ Chính sách phúc lợi tự nguyện

Công ty tổ chức thăm hỏi nhân viên khi ốm đau, thai sản, hiếu hỷ, ma chay... Khi CBNV của đi công tác xa thì sẽ được hỗ trợ những chi phí về đi lại, ăn nghỉ... theo quy định của công ty.

Chương trình tặng quà cho CBNV nữ nhân ngày 8-3; chương trình giành cho CBNV nam ngày 11/11, chương trình teabuilding, thăm quan, nghỉ mát, tổ chức thi giao lưu văn nghệ, thể thao, các trò chơi giải trí,..

✚ Mức lương bình quân đến thời điểm 31/12/2015 là: 10 triệu đồng/người/tháng.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên những cơ sở như sau:

- Công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu Hội đồng quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng.
- Công ty luôn thực hiện trả cổ tức đầy đủ và đúng hạn cho cổ đông.

Bảng 8: Tình hình chi trả cổ tức từ 2013 – 2015

| Năm | Tỷ lệ cổ tức | Hình thức thanh toán |
|------------|---------------------|-----------------------------|
| 2013 | 40% 25% | Tiền mặt Cổ phiếu |
| 2014 | 30% | Tiền mặt |
| 2015 | 20% 10% | Tiền mặt Cổ phiếu |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Viễn thông FPT)

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ *Trình khấu hao:*

- Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

| Tài sản | Số năm |
|--------------------------|-----------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 25 năm |
| Máy móc, thiết bị | 03-10 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 năm |
| Thiết bị quản lý | 03-06 năm |
| Tài sản cố định khác | 03-05 năm |

- Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá,

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, giấy phép và quyền khai thác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể:

| Tài sản | Số năm |
|---|---------|
| Phần mềm máy vi tính | 3-5 năm |
| Giấy phép | 03 năm |
| Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao dự án Asia America | 15 năm |

❖ *Thanh toán các khoản nợ đến hạn:*

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ đến hạn được thanh toán đầy đủ và đúng kỳ hạn theo quy định của pháp luật.

❖ *Các khoản phải nộp theo luật định:*

Thuế: Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

- Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.
- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.
- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế có thẩm quyền.

Bảng 9: Tình hình thuế phải nộp

Đơn vị tính: đồng

| Khoản mục | Đến 31/12/2014 | Đến 31/12/2015 | Đến 30/09/2016 |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 13.133.027.471 | 17.091.712.113 | 24.587.720.306 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 226.000 | 284.787 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 47.925.538.748 | 86.879.315.648 | 37.011.315.079 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.035.061.019 | 3.092.875.047 | 1.389.641.543 |
| Thuế khác | 1.516.806.030 | 316.097.337 | 264.764.709 |
| Tổng cộng | 64.610.659.268 | 107.380.284.932 | 63.253.441.637 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015, BCTC hợp nhất quý 3/2016 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Việc thực hiện trích lập các quỹ theo luật định, Công ty thực hiện theo quy định và Điều lệ của Công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ được Hội đồng Quản trị quyết định từng năm và trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.

❖ **Tổng dư nợ vay:**

Bảng 10: Tình hình dư nợ vay

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 30/09/2016 |
|--------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn | 698.800.278.325 | 1.660.677.134.056 | 1.897.194.318.567 |
| Vay dài hạn | 0 | 444.645.581.506 | 501.135.682.774 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015, BCTC hợp nhất quý 3/2016 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Chi tiết dư nợ vay ngắn hạn tại thời điểm 30/9/2016

| STT | Tên ngân hàng | Dư nợ vay đến 30/9/2016 |
|-----|--|--------------------------|
| 1 | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Hà Nội | 206.315.165.258 |
| 2 | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân | 349.441.082.930 |
| 3 | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai | 235.493.575.234 |
| 4 | Ngân hàng Citibank chi nhánh Hà Nội | 243.641.555.955 |
| 5 | Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam-Chi nhánh Hà Nội | 641.951.034.353 |
| | Tổng dư nợ vay ngắn hạn 30/9/2016 | 1.676.842.413.730 |
| | Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang vay ngắn hạn | 220.351.904.837 |
| | Tổng dư nợ vay ngắn hạn trình bày trên báo cáo kiểm toán hợp nhất 30/9/2016 | 1.897.194.318.567 |

❖ **Tình hình công nợ hiện nay:**

Bảng 11: Tình hình Công nợ phải thu

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 30/09/2016 |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 629.259.481.054 | 994.443.714.741 | 893.498.397.260 |
| Phải thu ngắn hạn của khách | 740.427.032.138 | 1.105.558.992.502 | 992.641.695.317 |

| | | | |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| hàng | | | |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 39.867.524.006 | 38.173.919.833 | 96.898.144.342 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 13.965.953.019 | 52.653.328.211 | 39.192.189.110 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (165.001.028.109) | (201.942.525.805) | (235.233.631.509) |
| Các khoản phải thu dài hạn | 2.761.683.184 | 4.517.163.833 | 16.552.822.002 |
| Phải thu dài hạn khác | 2.761.683.184 | 5.995.509.424 | 17.881.167.593 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | - | (1.478.345.591) | (1.328.345.591) |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015, BCTC hợp nhất quý 3/2016 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Bảng 12: Tình hình Công nợ phải trả

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 30/09/2016 |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| I. Nợ ngắn hạn | 2.716.637.242.741 | 4.703.431.298.782 | 4.134.250.200.536 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 754.722.384.467 | 1.104.562.640.453 | 704.990.363.666 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 1.761.844.172 | 4.339.558.423 | 1.971.146.495 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 64.610.659.268 | 107.380.284.932 | 63.253.441.637 |
| 4. Phải trả người lao động | 9.332.778.448 | 5.080.662.238 | 553.373.558 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315.669.385.105 | 325.986.851.472 | 381.369.218.732 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 684.537.029.274 | 1.228.527.501.510 | 883.109.508.333 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 106.691.668.938 | 132.732.630.441 | 137.143.006.599 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 698.800.278.325 | 1.660.677.134.056 | 1.897.194.318.567 |
| 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 80.511.214.744 | 134.144.035.257 | 64.665.822.949 |
| II. Nợ dài hạn | 59.015.500.316 | 504.415.492.354 | 610.701.596.635 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 58.917.580.316 | 59.365.776.351 | 109.565.913.861 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 97.920.000 | 404.134.497 | - |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | 444.645.581.506 | 501.135.682.774 |
| NỢ PHẢI TRẢ | 2.775.652.743.057 | 5.207.846.791.136 | 4.744.951.797.171 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015, BCTC hợp nhất quý 3/2016 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

❖ *Đầu tư tài chính ngắn hạn và trích lập dự phòng:***Bảng 13: Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 30/09/2016 |
|----------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 11.946.730.000 | 1.065.618.640.271 | 1.628.098.742.033 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 11.946.730.000 | 1.065.618.640.271 | 1.628.098.742.033 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015, BCTC hợp nhất quý 3/2016 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại một số ngân hàng như: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – TP Bank, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – VPBank...

❖ *Đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng:***Bảng 14: Tình hình đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 30/09/2016 |
|---|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 1.747.897.360 | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 8.956.691.181 | 11.040.000.000 | 9.684.980.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | - | (3.687.560.950) | (3.684.980.000) |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 10.704.588.541 | 7.352.439.050 | 6.000.000.000 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015, BCTC hợp nhất quý 3/2016 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Các chỉ tiêu | ĐVT | 2014 | 2015 |
|---|-----|------|------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH) | Lần | 0,93 | 0,87 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH | Lần | 0,83 | 0,76 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |

| | | | |
|---|-----|-------|--------|
| - Hệ số nợ/tổng tài sản | % | 54 | 65 |
| - Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu | % | 117 | 189,97 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq) | Lần | 9,82 | 7,58 |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Lần | 0,70 | 0,85 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 15,81 | 15,84 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân | % | 31,12 | 30,00 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân | % | 14,32 | 10,39 |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần | % | 18,99 | 18,59 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

11. Tài sản

Bảng 16: Giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị: VND

| TT | Tài sản | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % GTCL/NG |
|-----------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------|
| I | Tài sản cố định hữu hình | 5.331.305.627.432 | 2.932.247.837.849 | 55% |
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | 154.321.645.565 | 125.123.206.570 | 81% |
| | Máy móc, thiết bị | 4.461.729.571.569 | 2.629.069.761.023 | 59% |
| | Vận tải, truyền dẫn | 53.996.139.656 | 28.564.857.963 | 53% |
| | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 576.866.532.068 | 89.252.955.039 | 15% |
| | TSCĐ khác | 84.391.738.574 | 60.237.057.254 | 71% |
| II | Tài sản cố định vô hình | 260.956.804.541 | 161.288.796.374 | 62% |
| | Giá trị quyền sử dụng đất | 12.708.112.000 | 12.708.112.000 | 100% |
| | Giấy phép và quyền khai thác | 221.100.187.850 | 141.576.416.012 | 64% |
| | Phần mềm máy vi tính | 27.148.504.691 | 7.004.268.362 | 26% |
| | Tổng cộng | 5.592.262.431.973 | 3.093.536.634.223 | 55% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT)

Bảng 17: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2014 | 31/12/2015 |
|----------|------------|------------|
|----------|------------|------------|

| | | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Dự án cấp biển APG | 155.652.668.002 | 158.813.175.651 |
| Hệ thống đường trục Bắc Nam (tuyến B) | 7.982.725.648 | - |
| Khác | 17.227.796.663 | 58.981.952.679 |
| Tổng | 180.863.190.313 | 217.795.128.330 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Bảng 18: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty tại ngày 30/09/2016

| TT | Địa chỉ đất | Diện tích (m2) | Đất thuê/ giao đất | Hiện trạng sử dụng |
|----|--|----------------|--------------------|---|
| 1 | Nhà 6/62 Quang Trung - Gò Vấp – HCM | 60 | Lâu dài | Trạm thiết bị của Chi nhánh Công ty Cổ phần FPT |
| 2 | Chi nhánh Đà Nẵng - Nhà 182-184 Đường 2/9 - Hải Châu - Đà Nẵng | 250 | Lâu dài | Văn phòng chi nhánh Đà Nẵng |
| 3 | Nhà 194/14 đường Phan Anh, P. Tân Thới Hòa, Tân Phú, HCM | 81,9 | Lâu dài | Trạm thiết bị của Chi nhánh Công ty Cổ phần FPT |
| 4 | Tầng 2M tòa nhà FPT Cầu Giấy | 1,104 | Đất thuê 50 năm | Trụ sở công ty |
| 5 | Lô 37-39a Đường số 22 Khu chế xuất Tân Thuận - Phường Tân Thuận Đông - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh | 4.795,7 | Đất thuê 50 năm | Trụ sở công ty |
| 6 | Lô L29b-31b-33b Đường Tân Thuận- Khu chế xuất Tân Thuận - Phường Tân Thuận Đông - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh | 7.101,4 | Đất thuê 50 năm | Trụ sở công ty |
| 7 | Chi nhánh Bình Dương - Đường D9 -Phường Chánh Nghĩa - Thủ Dầu 1 - Bình Dương | 200 | Lâu dài | Văn phòng Chi nhánh Bình Dương |
| 8 | Chi nhánh Nha Trang - 66 Phan Đình Giót - Phường Phương Sài - Nha trang | 88 | Lâu dài | Chi nhánh Chi nhánh Nha Trang |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Viễn thông FPT)

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

12.1. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm 2016, 2017**Bảng 19: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016, 2017***Đơn vị tính: VND*

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | | Năm 2017 (*) | |
|--|-------------------|-----------------------------|--------------|-----------------------------|
| | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2015 | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2016 |
| Vốn điều lệ | 1.370.786.090.000 | 10% | | - |
| Doanh thu thuần | 6.560.000.000.000 | 47,5% | - | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.052.000.000.000 | 34,2% | - | - |
| Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần | 77% | - | - | - |
| Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ | 16% | - | - | - |
| Cổ tức | 20% | - | - | - |

*(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 của CTCP Viễn Thông FPT)**(*) Công ty chưa có kế hoạch kinh doanh đầy đủ của năm 2017.***12.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Trong năm 2016, Công ty sẽ tiếp tục triển khai quang hóa hạ tầng tại các tỉnh, thành phố lớn với kế hoạch 6 tỉnh, thành phố. Năm 2016, Công ty đặt mục tiêu doanh thu 6,560 tỷ đồng, tăng trưởng 17,8%. Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2016 là 1,052 tỷ đồng.

Để hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh đề ra cho năm 2016, công ty đã đề ra nhiều giải pháp đồng bộ để tiến hành:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, đảm bảo hài hoà giữa chỉ tiêu doanh số và lợi nhuận đạt được các chỉ tiêu của phương án sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý vật tư, tiền vốn, hàng hoá, công nợ và thực hiện tốt các chính sách thuế đối với Nhà nước. Thực hiện kinh doanh theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Tiếp tục theo dõi bố trí sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc. Xây dựng cơ chế, chính sách tiền lương, thu nhập ổn định, tạo động lực để thu hút và phát triển được nguồn nhân lực có chất lượng cao. Xây dựng công ty phát triển bền vững

Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế nói chung, các rủi ro dự đoán cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Công ty nói riêng. Theo báo cáo tài chính 9 tháng năm 2016, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ lũy kế 9 tháng đầu năm 2016 đạt 4.941.805.816.249 đồng (75,33% kế hoạch năm 2016), tăng 22,53% so với cùng kỳ năm 2015. Lợi nhuận kế toán trước thuế lũy kế 9 tháng đầu năm 2016 đạt 848.458.174.327 đồng (80,65% kế hoạch năm 2016), tăng 4,69% so với cùng kỳ năm 2015. Như vậy có thể thấy, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT có khả năng đạt được kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận trong năm 2016 nếu như không gặp phải những rủi ro không lường trước được.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch.

Không có

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào tình hình kinh doanh hiện tại và dự kiến tình hình thị trường trong những năm tiếp theo, Công ty cổ phần Viễn thông FPT xây dựng chiến lược và phát triển sản xuất kinh doanh theo hướng:

– Vươn tới tập đoàn viễn thông toàn cầu, mở rộng hoạt động kinh doanh sang các nước đang phát triển trong khu vực Đông Nam Á, từng bước đưa FPT Telecom trở thành nhà cung cấp dịch vụ viễn thông uy tín trong khu vực.

– Tiên phong trong chuyển đổi sang thế giới số thông qua việc ứng dụng, chuyển đổi sang nền tảng công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như quản trị nội bộ; đi đầu trong việc số hóa các sản phẩm dịch vụ và các giải pháp phục vụ khách hàng trong nước và quốc tế, cung cấp các dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây / internet vạn vật.

– Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng và duy trì sự phát triển bền vững. FPT Telecom luôn xác định khách hàng là trọng tâm, mong muốn đem lại cho mọi người dân / hộ gia đình tại Việt Nam các dịch vụ tiên tiến nhất trên nền tảng Internet và áp dụng các mô hình quản trị hiện đại.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký giao dịch.

Không có

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng quản trị**

| STT | Họ và tên | Chức danh | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----------------|----------------------------|
| 1 | Chu Thị Thanh Hà | Chủ tịch HĐQT | Thành viên không điều hành |
| 2 | Trương Gia Bình | Thành viên HĐQT | Thành viên không điều hành |
| 3 | Lê Huy Chí | Thành viên HĐQT | Thành viên không điều hành |
| 4 | Bùi Quang Ngọc | Thành viên HĐQT | Thành viên không điều hành |
| 5 | Nguyễn Văn Khoa | Thành viên HĐQT | Thành viên điều hành |
| 6 | Nguyễn Hồng Hiến | Thành viên HĐQT | Thành viên không điều hành |

1.1 Bà Chu Thị Thanh Hà - Chủ tịch HĐQT

| | |
|-------------------------------|---|
| Họ và tên | Chu Thị Thanh Hà |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 011818587 |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 5/23/1974 |
| Nơi sinh | Hà Tây |
| Quốc tịch | Việt nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hà nội |
| Địa chỉ thường trú | B19, Tập thể FPT, Phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4) 73002222 |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | - Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, 1994 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Hawaii, Mỹ năm 2006 |
| Quá trình công tác | |
| | 1995-2003: Cán bộ công ty FPT |
| | 2003-2005 Phó Tổng Giám đốc Công ty Truyền thông FPT |
| | 2005-2009: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 08.2009-12.2011: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 03.2011-4.2015: Phó Tổng giám đốc Công ty CP FPT |
| | 05.2008-10.2012: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần |

| | |
|--|---|
| | Viễn thông FPT |
| | 10/2012-nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | Năm 2012 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kỹ thuật số FPT |
| | 07/2007 - nay: Phó Chủ tịch Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Chủ tịch HĐQT |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kỹ thuật số FPT Phó CT Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 26.132 cổ phần (chiếm 0,019% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Chu Hùng Thắng – Em: 60.589 Cổ phần (Chiếm 0,044%) |
| Số cổ phần đại diện cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | 13.708.178 cổ phần (chiếm 10% vốn điều lệ) |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

1.2 Ông Trương Gia Bình – Thành viên HĐQT

| | |
|-------------------------------|---|
| Họ và tên | Trương Gia Bình |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 011435804 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 5/19/1956 |
| Nơi sinh | Nghệ Tĩnh |
| Quốc tịch | Việt nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Điện phong, Điện Bàn, Quảng Nam, Đà Nẵng |
| Địa chỉ thường trú | Số 10 Đặng Thai Mai, Tây Hồ, Hà nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | +84 4 7300 7300 |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | - Cử nhân Toán, Đại học Tổng hợp Lomonosov CHLB Nga - Tiến Sỹ Toán Lý, Đại học Tổng hợp Lomonosove, CHLB Nga |

| | |
|--|---|
| | - Được phong hàm Phó Giáo sư năm 1991 tại Việt nam |
| Quá trình công tác | |
| | Năm 1982: Viện cơ học, Viện khoa học Việt nam |
| | Từ 1983 đến 1985: Nghiên cứu viên cao cấp thuộc viện Toán học Steclov - Viện Hàn lâm Khoa học Xô Viết |
| | Năm 1989: Nghiên cứu viên tại viện Max - Plant, Gottingen, CHLB Đức |
| | Từ 1998 đến 2005: Chủ tịch Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam |
| | Từ 1988 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP FPT |
| | Từ 2001 đến nay: Chủ tịch Hiệp hội phần mềm Việt Nam |
| | Từ năm 2005 đến năm 2008: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Viễn thông FPT |
| | Từ tháng 4/2013 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Thành viên HĐQT |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Chủ tịch Hiệp hội phần mềm Việt nam Chủ tịch HĐQT Công ty CP FPT |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 0 cổ phần (chiếm 0 Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Chị ruột: Trương Thị Thanh Thanh 464.029 Cổ phần (Chiếm 0,34% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | 20.562.268 Cổ phần (chiếm 15% Vốn điều lệ) |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

1.3 Ông Lê Huy Chí – Thành viên HĐQT

| | |
|---------------------|-------------------|
| Họ và tên | Lê Huy Chí |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 011891983 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 04/03/1976 |
| Nơi sinh | Quảng Ngãi |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |

| | |
|--|---|
| Quê quán | Mộ Đức, Quảng Ngãi |
| Địa chỉ thường trú | Số 6/6 Ngõ 81 Đường Âu Cơ, Quận Tây Hồ |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4) 3 8240703 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ các vấn đề quốc tế, chuyên ngành Tài chính và kinh doanh quốc tế. Đại học Tổng hợp Columbia, Mỹ, 2001 |
| Quá trình công tác | |
| | 1998-2001: Chuyên viên, phòng Lưu ký và thanh toán, Ban Quản lý kinh doanh chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước |
| | 2001-2005: Phó trưởng phòng, Phòng quỹ Đầu tư, Ban Quản lý Kinh doanh chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| | 11/2005-07/2006: Phó Trưởng ban. Ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| | 08/2006-09/2008: Trưởng ban, Ban Đầu tư. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước SCIC |
| | 09/2008-09/2009: Trưởng ban, Ban Đầu tư 4, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước SCIC |
| | 09/2009-nay: Trưởng ban Kế hoạch Tổng hợp, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước SCIC |
| | 04/2013-nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Thành viên HĐQT |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Trưởng ban Kế hoạch Tổng hợp, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước SCIC |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 0 cổ phần (chiếm 0 Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 Cổ phần (Chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | 13.708.181 Cổ phần (chiếm 10% Vốn điều lệ) |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

1.4 Ông Bùi Quang Ngọc – Thành viên HĐQT

| | |
|---|---|
| Họ và tên | Bùi Quang Ngọc |
| Số CMTND/Hộ chiếu | B4431723 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 12/03/1956 |
| Nơi sinh | Hà nội |
| Quốc tịch | Việt nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Khoái Châu, Hải Hưng |
| Địa chỉ thường trú | 66B, Tổ 3, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | +84 4 7300 7300 |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Tiến sỹ Công nghệ thông tin, Đại học Grenoble, Pháp, năm 1986 |
| Quá trình công tác | |
| | 1979-1982: Giảng viên tại trường Đại học Bách Khoa Hà nội |
| | 1982-1986: Nghiên cứu sinh tại trường Đại học Grenoble, Pháp |
| | 1986-1995: Giảng viên khoa Toán - Tin, trường Đại học Bách Khoa Hà nội |
| | 1988-2013: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP FPT, Phó tổng giám đốc Công ty CP FPT |
| | 2013-nay: Tổng Giám đốc Công ty CP FPT |
| | 04/2013-nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Thành viên HĐQT |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Tổng giám đốc Công ty CP FPT |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 0 cổ phần (chiếm 0 Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 Cổ phần (Chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

1.5 Ông Nguyễn Văn Khoa – Thành viên HĐQT

| | |
|---------------------------------------|---|
| Họ và tên | Nguyễn Văn Khoa |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 011869297 (18/09/2007) |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 2/4/1977 |
| Nơi sinh | Hà Nội |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | B05 Khu Nam Đô, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4) 73002222 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Hà Nội |
| Quá trình công tác | |
| | 06.1997-1.2008 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Các chức danh: Trưởng phòng Hỗ trợ Kỹ thuật, Trưởng phòng Quảng cáo và Phát triển, Trưởng phòng Dự án, Giám đốc Trung tâm Quản lý Hạ tầng, PGĐ Trung tâm Game Online, PGĐ Kinh doanh Hà Nội, |
| | 1.2008-5.2010: Tổng giám đốc Công ty TNHH 1TV Viễn thông Quốc tế FPT, trực thuộc FPT Telecom |
| | 5.2010-12.2011: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 01.2012 - nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, thành viên HĐQT |
| | Từ 07/2015 – nay: Giám đốc Chi nhánh TP. HCM, Công ty Cổ phần FPT. |
| | Từ 10/2013 - nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Tân thuận, FPT Telecom |
| | Từ 04/2015- nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Viễn thông quốc tế FPT |
| | Từ 06/2016 – nay: Chủ tịch Công ty Cổ phần công nghệ Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Giám đốc Chi nhánh TP. HCM, Công ty Cổ phần FPT. Chủ tịch Công ty TNHH MTV Tân thuận, FPT Telecom Chủ tịch Công ty TNHH MTV Viễn thông quốc tế FPT Chủ tịch Công ty Cổ phần công nghệ Viễn thông FPT |

| | |
|---|---|
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 170.283 cổ phần (chiếm 0,124% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 Cổ phần (Chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

1.6 Ông Nguyễn Hồng Hiến – Thành viên HĐQT

| | |
|-------------------------------|---|
| Họ và tên | Nguyễn Hồng Hiến |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 012359209 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 06/02/1974 |
| Nơi sinh | Hà Nội |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Nam Định |
| Địa chỉ thường trú | 3/75 Trần Quang Diệu, Đống Đa, Hà Nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4) 62780124 |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Luật học (ĐH Tổng hợp Luân Đôn). Cử nhân kinh tế (ĐH Kinh tế Quốc dân). Cử nhân Luật học (ĐH Tổng hợp Hà Nội), Cao cấp lý luận chính trị (Học viện Chính trị) |
| Quá trình công tác | |
| | 6/1998 – 10/2003: Thư ký Thứ trưởng/Cục trưởng Trưởng Phòng Tổng hợp. Cục Hàng không |
| | 10/2003 – 2/2007: Người phát ngôn của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Trưởng phòng Thông tin tuyên truyền. Chánh Văn phòng Bộ Giao thông Vận tải |
| | 09/2013-02/2016: Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch Kim Liên 06/2012 – 04/2015: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Việt Nam Hà Nội 01/2015 - 11/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP INTIMEX 04/2013 - 05/2016: Thành viên HĐQT Công ty CP |

| | |
|--|---|
| | <p>Dược phẩm và Thiết bị y tế Hà Nội</p> <p>03/2007 - 11/2014: Trưởng Ban kế hoạch tổng hợp Trưởng Ban Đầu tư 4 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước SCIC</p> <p>11/2014 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước SCIC</p> <p>04/2013 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Viễn thông FPT</p> <p>04/2014 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Đầu tư Việt nam</p> |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Thành viên HĐQT |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | <p>Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Đầu tư Việt nam</p> <p>Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước</p> |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 0 Cổ phần (Chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 Cổ phần (Chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | 20.784.218 Cổ phần (chiếm 15,2% Vốn điều lệ) |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

2. Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức danh |
|-----|------------------------|--------------------------|
| 1 | Lương Quốc Lâm | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Phan Phương Đạt | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3 | Phạm Văn Chung | Thành viên Ban kiểm soát |

2.1. Ông Lương Quốc Lâm - Trưởng Ban kiểm soát

| Họ và tên | Lương Quốc Lâm |
|---------------------|-----------------------|
| Số CMTND/Hộ chiếu | 012456481 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 10/11/1980 |
| Nơi sinh | Hưng Yên |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |

| | |
|---|--|
| Quê quán | Hương Nha, Tam Nông, Phú Thọ |
| Địa chỉ thường trú | P1206, N09B1, KĐT Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4)73007300 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ quản trị tài chính |
| Quá trình công tác | |
| | Từ 2002 đến 2003: PricewaterhouseCoopers Việt Nam, trợ lý kiểm toán |
| | Từ 2003 đến 2005: FPT Information System, phân tích tài chính |
| | Từ 2007 đến 2010: Vietfund management, trưởng phòng phân tích |
| | Từ 2010 đến 2011: NHTMCP Quốc tế Việt Nam (VIB), trưởng phòng đầu tư dài hạn |
| | Từ 2012 đến nay: Trưởng bộ phận phân tích – đầu tư Công ty CP FPT |
| | Từ 2014 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Trưởng ban kiểm soát |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Trưởng bộ phận phân tích – đầu tư, Công ty CP FPT |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 0 cổ phần (chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 Cổ phần (Chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

2.2 Ông Phan Phương Đạt - Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|---------------------|------------------------|
| Họ và tên | Phan Phương Đạt |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 011432293 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 06/02/1971 |
| Nơi sinh | Hà nội |
| Quốc tịch | Việt Nam |

| | |
|---|---|
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hưng Khánh - Hưng Nguyên - Nghệ An |
| Địa chỉ thường trú | 502W - The Manor - Mỹ đình 2 - Nam Từ liêm - Hà nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Tiến sỹ Toán Ứng dụng |
| Quá trình công tác | |
| | 1997-2007: Phụ trách nhân sự và đào tạo, Công ty Phần mềm FPT |
| | 2007-2010: Trưởng ban Nhân sự, Công ty Cổ phần FPT |
| | 2010-2012: Phó Tổng giám đốc Công ty Phần mềm FPT |
| | 2014- nay: Trưởng ban Đào tạo Đại học trực tuyến Funix, Đại học FPT |
| | 2013 – nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Thành viên ban kiểm soát |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Trưởng ban Đào tạo Đại học trực tuyến Funix, Đại học FPT |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 0 cổ phần (chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 Cổ phần (Chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

2.3 Ông Phạm Văn Chung - Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|---------------------|-----------------------|
| Họ và tên | Phạm Văn Chung |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 013078203 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 11/2/1980 |
| Nơi sinh | Nam Định |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Nam Định |

| | |
|---|---|
| Địa chỉ thường trú | Phòng 902 Nơ 6A, Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4)3 824 0703 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kế toán Kiểm toán |
| Quá trình công tác | |
| | 06/2003-4/2007: Kiểm toán viên tại Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO Deloitte) |
| | 5/2007-3/2008: Kiểm toán viên tại Công ty Kiểm toán Quốc tế PricewaterhouseCoopers (PwC) |
| | 4/2008-3/2009: Phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS) |
| | 04/2009-nay: Ban Quản lý Vốn Đầu tư 4 - Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) |
| | 03/2014 – nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Thành viên ban kiểm soát |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Chuyên viên Ban Quản lý Vốn Đầu tư 4, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước SCIC |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 0 cổ phần (chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 Cổ phần (Chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

3. Ban Giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức danh |
|-----|--------------------------|---|
| 1 | Nguyễn Văn Khoa | Tổng giám đốc |
| 2 | Nguyễn Hoàng Linh | Phó Tổng giám đốc |
| 3 | Vũ Thị Mai Hương | Phó Tổng giám đốc |
| 4 | Hoàng Trung Kiên | Phó Tổng giám đốc |
| 5 | Chu Hùng Thắng | Phó Tổng giám đốc |
| 6 | Vũ Anh Tú | Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Công nghệ |
| 7 | Nguyễn Thanh Bình | Giám đốc Tài Chính |

3.1 Ông Nguyễn Văn Khoa – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Sơ yếu lí lịch của được trình bày tại mục Hội đồng Quản trị)

3.2 Ông Nguyễn Hoàng Linh - Phó Tổng giám đốc

| | |
|---|---|
| Họ và tên | Nguyễn Hoàng Linh |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 001078009945 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 12/3/1978 |
| Nơi sinh | Hà Nội |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | 167 đường số 8, khu Nam Phú, Nam Long, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4) 73002222 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế, Đại học Ngoại thương Hà Nội |
| Quá trình công tác | |
| - | 09.2000-07.2005:Kiểm toán viên Công ty PricewaterhouseCoopers Việt Nam |
| | 07.2005-12.2007: Chuyên viên tư vấn, Công ty PricewaterhouseCoopers Việt Nam |
| | 12.2007-8.2009: Phó Giám đốc Chi nhánh TP.HCM, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 08.2009-01.2012: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 01.2012-nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Phó Tổng Giám đốc |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Không |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 77.745 cổ phần (chiếm 0,057% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 Cổ phần (Chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |

| | |
|-------------------------------|-------|
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |
|-------------------------------|-------|

3.3 Bà Vũ Thị Mai Hương - Phó Tổng giám đốc

| | |
|---|--|
| Họ và tên | Vũ Thị Mai Hương |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 011565007 |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 1/29/1971 |
| Nơi sinh | Hà Nội |
| Quốc tịch | Việt nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | 20A Ngõ 9, Đặng Thai Mai, Tây Hồ. Hà Nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4) 73002222 |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân- Kỹ sư Tin học. Đại học Bách khoa Hà Nội |
| Quá trình công tác | |
| | 1993 - 2006: Công ty Cổ phần FPT |
| | 03.2009-07.2010: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH 1TV Viễn thông Quốc tế FPT |
| | 7.2010-5.2011: Phó Ban Nhân sự Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 05.2011 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Phó Tổng Giám đốc |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Không |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 37.682 cổ phần (chiếm 0,027% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Phạm Vĩnh Thắng - Chồng: 83.440 Cổ phần (Chiếm 0,061% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

3.4 Ông Hoàng Trung Kiên - Phó Tổng giám đốc

| | |
|-----------|-------------------------|
| Họ và tên | Hoàng Trung Kiên |
|-----------|-------------------------|

| | |
|---|--|
| Số CMTND/Hộ chiếu | 011875282 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 9/14/1978 |
| Nơi sinh | Hà Nội |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | 66 Giảng Võ, Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4) 73002222 |
| Trình độ văn hoá | |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Hệ thống Thông tin |
| Quá trình công tác | |
| | 01.2000-12.2006: Kinh doanh - Công ty Giải pháp Phần mềm FPT |
| | 2007-2010: Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Các chức danh: PGĐ Trung tâm 4T, PGĐ Trung tâm Dữ liệu Internet, PTGD Công ty TNHH Dữ liệu Internet FPT, GD CN HN 1, Công ty FTN, Giám đốc Ban Dự án. Giám đốc Vùng 1, CÔNG ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 07.2011-06.2012: Giám đốc Vùng 2, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 07.2012-nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Phó Tổng Giám đốc |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Không |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 61.821 cổ phần (chiếm 0,045% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 Cổ phần (Chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

3.5 Ông Chu Hùng Thắng – Phó Tổng giám đốc

| | |
|-------------------|-----------------------|
| Họ và tên | Chu Hùng Thắng |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 011898798 |

| | |
|---|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 16/11/1978 |
| Nơi sinh | Hà Tây |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hà Tây |
| Địa chỉ thường trú | Phòng 1801 T5 Chung cư Riviera Boint, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4) 73002222 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư, Đại học Bách khoa Hà Nội |
| Quá trình công tác | |
| | 1998-2001: Trung tâm Internet FPT |
| | 2001-2005: Trưởng phòng Kỹ thuật triển khai, Trung tâm FIS 1, Công ty Hệ thống thông tin FPT |
| | 2008-2013: Giám đốc các vùng Kinh doanh, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 2013-nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Phó Tổng Giám đốc |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Không |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 60.589 cổ phần (chiếm 0,044% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Chu Thị Thanh Hà – Chị: 26.132 cổ phần (chiếm 0,019% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

3.6 Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Công nghệ

| | |
|---------------------|------------------|
| Họ và tên | Vũ Anh Tú |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 011880240 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 11/7/1978 |
| Nơi sinh | |

| | |
|---|---|
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | 2C1-4-7 Garden Court II, Phú Mỹ Hưng, TP HCM |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4) 73002222 |
| Trình độ văn hoá | |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư CNTT, Đại học Bách khoa Hà Nội |
| Quá trình công tác | |
| | 2001-2005: Chuyên gia bảo mật, Trưởng phòng Bảo mật, Công ty Hệ thống thông tin FPT |
| | 2005-2008: Phó GD Trung tâm FIS INF, Công ty Hệ thống Thông tin FPT |
| | 5,2008-12,2008: Giám đốc Trung tâm Điều hành mạng, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 06.2011-10.2013: Trưởng ban CNTT, Công ty Cổ phần FPT |
| | 01.2012-nay: Giám đốc Công nghệ Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 02.2016-nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc công nghệ |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Không |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 27.882 cổ phần (chiếm 0,020% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 cổ phần (chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

3.7 Ông Nguyễn Thanh Bình – Giám đốc tài chính

| | |
|---------------------|--------------------------|
| Họ và tên | Nguyễn Thanh Bình |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 012826379 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 5/12/1976 |

| | |
|---|--|
| Nơi sinh | Thái Bình |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Thái Bình |
| Địa chỉ thường trú | Tổ 34, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (84-4) 73002222 |
| Trình độ văn hoá | |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Quốc tế Nhật Bản |
| Quá trình công tác | |
| | 2000-2003: Kiểm toán viên cao cấp, Công ty PricewaterhouseCoopers Việt Nam |
| | 2005-2007: Trưởng phòng Kiểm soát, Tập đoàn Victoria Hotels & Resorts |
| | 2007: Chuyên viên cao cấp Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt |
| | 2009-2012: Phó ban Tài chính, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| | 2012-nay: Giám đốc Tài chính, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Giám đốc tài chính |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Không |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 2.062 cổ phần (chiếm 0,002% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 cổ phần (chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

4. Kế toán trưởng**Bà Đỗ Thị Hương – Kế toán trưởng**

| | |
|---------------------|---------------------|
| Họ và tên | Đỗ Thị Hương |
| Số CMTND/Hộ chiếu | 026173000019 |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 12/24/1973 |

| | |
|---|--|
| Nơi sinh | Vĩnh Phúc |
| Quốc tịch | Việt nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Mỹ Hào - Hưng Yên |
| Địa chỉ thường trú | Số 18 Lô 1A I2 NO2 Mỹ Đình 1 - Từ Liêm - Hà nội |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Đại học Tài chính Kế toán |
| Quá trình công tác | |
| | 1994-1995: nhân viên phòng kế toán - Công ty Cổ phần FPT |
| | 1996-2003: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần FPT |
| | 2004-2005: Trưởng phòng kế toán Công ty CP FPT |
| | Tháng 12 năm 2005 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần viễn thông FPT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD | Kế toán trưởng |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Không |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu | 229 cổ phần (chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần sở hữu chứng khoán của những người liên quan | 0 cổ phần (chiếm 0% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện vốn nhà nước | Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan tới Công ty | Không |

5. Kế hoạch tăng cường quản trị

- Công ty đã và đang từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường giám sát cán bộ quản lý; đánh giá đúng năng lực, trình độ, ý thức, trách nhiệm, thái độ ứng xử của cán bộ quản lý để có biện pháp xử lý phù hợp.

- Xây dựng chiến lược đầu tư, phát triển phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đạt được các mục tiêu chủ yếu của phương án sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, nhất là chỉ tiêu về doanh số, lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức.
- Tập trung chỉ đạo Ban Điều hành tăng cường công tác quản lý tiền hàng, tài sản của Công ty; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.
- Xem xét, sắp xếp lại tổ chức bộ máy phù hợp với tình hình thực tế.
- Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
- Công ty đã và đang thực hiện đúng các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đã tiến hành sửa đổi điều lệ công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014 và các quy định của pháp luật.
- Thành viên Ban kiểm soát chưa tuân thủ quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC, Công ty sẽ kiện toàn trong thời gian tới.

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2016

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ - CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT
CHỦ TỊCH HĐQT**



CHU THỊ THANH HÀ

**TỔ CHỨC TƯ VẤN - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN**



NGUYỄN THỊ HẠNH

